ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG**
**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
**Tel:** 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

VILAS 1291

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 261110/924

Tên/địa chỉ khách hàng: **Mẫu nước trạm bơm cấp II Cơ sở 2 Ba La, P.Kiến Hưng, Hà Nội.**
Mô tả mẫu: 01 chai 1500ml/mẫu
Ngày lấy mẫu: 10/11/2026
Ngày phân tích: 10/11 - 17/11/2026
Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty
Kết quả phân tích như sau:

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform | SMEWW 9221:2023 | CFU/100ml | KPH | < 1 |
| 2 | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt | SMEWW 9221:2023 | CFU/100ml | KPH | < 1 |
| 3 | Màu sắc | SMEWW 2120 B:2023 | TCU | 7 | 15 |
| 4 | Mùi | Cảm quan | - | Không mùi lạ | Không mùi lạ |
| 5 | pH (*) | TCVN 6492:2011 | - | 7,28 | 6,0 - 8,5 |
| 6 | Độ đục (*) | TCVN 12402-1:2020 | NTU | 0,54 | 2 |
| 7 | Arsenic (As) | TCVN 6626:2000 | (mg/l) | 0,003 | 0,01 |
| 8 | Clo dư tự do (*) | SMEWW 4500 Cl.F:2023 | (mg/l) | 0,62 | 0,2 - 1,0 |
| 9 | Chỉ số Pecmanganat (*) | TCVN 6186:1996 | (mg/l) | < 1,00 | 2 |
| 10 | Amoni ($NH_3$ và $NH_4^+$ tính theo N) (*) | HADO 03.2024 | (mg/l) | < 0,25 | 1 |

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG**
**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
**Tel:** 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Chloride ($Cl^-$) (*) | TCVN 6194:1996 | (mg/l) | 13,8 | 250 |
| 12 | Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*) | TCVN 6224:1996 | (mg/l) | 162 | 300 |
| 13 | Magan (Mn) (*) | HADO 02.2024 | (mg/l) | < 0,070 | 0,1 |
| 14 | Nitrat ($NO_3^-$ tính theo N) | HADO 05.2024 | (mg/l) | 0,2 | 11 |
| 15 | Nitrit ($NO_2^-$ tính theo N) (*) | HADO 04.2024 | (mg/l) | < 0,020 | 0,9 |
| 16 | Sắt (Ferrum) (Fe) (*) | HADO 01.2024 | (mg/l) | < 0,15 | 0,3 |
| 17 | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | SMEWW2540-C:2023 | (mg/l) | 290 | 1000 |
| 18 | Monochloramine | SMEWW4500-Cl F:2023 | (mg/l) | 0,30 | 3 |

*Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.*
*(-): Không đơn vị/ Không phân tích.*
*(KPH): Không phát hiện.*
*Số: 261110/924*

*Hà Đông, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

| TỔ XÉT NGHIỆM | PHÒNG THÍ NGHIỆM | KT. TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC |
|---|---|---|
| *Trần T. Tô Phượng* | *Nguyễn T. Thanh Nga* | PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC<br>*Tô Anh Quân* |

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG**
**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
**Tel:** 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

VILAS 1291

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 261110/933

Tên/địa chỉ khách hàng: **Mẫu nước ngoại mạng CS2 Ba La - Chung cư CT4 Yên Nghĩa, Bộ tư lệnh Thủ Đô, P.Yên Nghĩa, Hà Nội**

Mô tả mẫu: 01 chai 1500ml/mẫu

Ngày lấy mẫu: 10/11/2026

Ngày phân tích: 10/11 - 17/11/2026

Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty

Kết quả phân tích như sau:

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform | SMEWW 9221:2023 | CFU/100ml | KPH | < 1 |
| 2 | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt | SMEWW 9221:2023 | CFU/100ml | KPH | < 1 |
| 3 | Màu sắc | SMEWW 2120 B:2023 | TCU | 9 | 15 |
| 4 | Mùi | Cảm quan | - | Không mùi lạ | Không mùi lạ |
| 5 | pH (*) | TCVN 6492:2011 | - | 7,34 | 6,0 - 8,5 |
| 6 | Độ đục (*) | TCVN 12402-1:2020 | NTU | 0,48 | 2 |
| 7 | Arsenic (As) | TCVN 6626:2000 | (mg/l) | 0,002 | 0,01 |
| 8 | Clo dư tự do (*) | SMEWW 4500 Cl.F:2023 | (mg/l) | 0,40 | 0,2 - 1,0 |
| 9 | Chỉ số Pecmanganat (*) | TCVN 6186:1996 | (mg/l) | < 1,00 | 2 |
| 10 | Amoni ($NH_3$ và $NH_4^+$ tính theo N) (*) | HADO 03.2024 | (mg/l) | < 0,25 | 1 |

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG**
**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
**Tel:** 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Chloride ($Cl^-$) (*) | TCVN 6194:1996 | (mg/l) | 12,4 | 250 |
| 12 | Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*) | TCVN 6224:1996 | (mg/l) | 162 | 300 |
| 13 | Magan (Mn) (*) | HADO 02.2024 | (mg/l) | 0,070 | 0,1 |
| 14 | Nitrat ($NO_3^-$ tính theo N) | HADO 05.2024 | (mg/l) | 1,3 | 11 |
| 15 | Nitrit ($NO_2^-$ tính theo N) (*) | HADO 04.2024 | (mg/l) | 0,040 | 0,9 |
| 16 | Sắt (Ferrum) (Fe) (*) | HADO 01.2024 | (mg/l) | 0,15 | 0,3 |
| 17 | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | SMEWW2540-C:2023 | (mg/l) | 290 | 1000 |
| 18 | Monochloramine | SMEWW4500-Cl F:2023 | (mg/l) | 0,60 | 3 |

*Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.*
*(-): Không đơn vị/ Không phân tích.*
*(KPH): Không phát hiện.*
*Số: 261110/933*

*Hà Đông, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

| TỔ XÉT NGHIỆM | PHÒNG THÍ NGHIỆM | KT. TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC |
|---|---|---|
| *Trần T. Tô Phượng* | *Nguyễn T. Thanh Nga* | PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC<br>*Tô Anh Quân* |

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG**
**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
**Tel:** 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

VILAS 1291

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 261110/934

Tên/địa chỉ khách hàng: **Mẫu nước ngoại mạng CS2 Ba La - Chung cư FLC Star Tower, số 418 Quang Trung, P. Dương Nội, Hà Nội**

Mô tả mẫu: 01 chai 1500ml/mẫu

Ngày lấy mẫu: 10/11/2026

Ngày phân tích: 10/11 - 17/11/2026

Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty

Kết quả phân tích như sau:

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform | SMEWW 9221:2023 | CFU/100ml | KPH | < 1 |
| 2 | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt | SMEWW 9221:2023 | CFU/100ml | KPH | < 1 |
| 3 | Màu sắc | SMEWW 2120 B:2023 | TCU | 8 | 15 |
| 4 | Mùi | Cảm quan | - | Không mùi lạ | Không mùi lạ |
| 5 | pH (*) | TCVN 6492:2011 | - | 7,38 | 6,0 - 8,5 |
| 6 | Độ đục (*) | TCVN 12402-1:2020 | NTU | 0,52 | 2 |
| 7 | Arsenic (As) | TCVN 6626:2000 | (mg/l) | 0,002 | 0,01 |
| 8 | Clo dư tự do (*) | SMEWW 4500 Cl.F:2023 | (mg/l) | 0,36 | 0,2 - 1,0 |
| 9 | Chỉ số Pecmanganat (*) | TCVN 6186:1996 | (mg/l) | < 1,00 | 2 |
| 10 | Amoni ($NH_3$ và $NH_4^+$ tính theo N) (*) | HADO 03.2024 | (mg/l) | < 0,25 | 1 |

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG**
**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
**Tel:** 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Chloride ($Cl^-$) (*) | TCVN 6194:1996 | (mg/l) | 12,1 | 250 |
| 12 | Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*) | TCVN 6224:1996 | (mg/l) | 163 | 300 |
| 13 | Magan (Mn) (*) | HADO 02.2024 | (mg/l) | 0,087 | 0,1 |
| 14 | Nitrat ($NO_3^-$ tính theo N) | HADO 05.2024 | (mg/l) | 0,8 | 11 |
| 15 | Nitrit ($NO_2^-$ tính theo N) (*) | HADO 04.2024 | (mg/l) | 0,020 | 0,9 |
| 16 | Sắt (Ferrum) (Fe) (*) | HADO 01.2024 | (mg/l) | 0,16 | 0,3 |
| 17 | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | SMEWW2540-C:2023 | (mg/l) | 231 | 1000 |
| 18 | Monochloramine | SMEWW4500-Cl F:2023 | (mg/l) | 0,70 | 3 |

*Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.*
*(-): Không đơn vị/ Không phân tích.*
*(KPH): Không phát hiện.*
*Số: 261110/934*

*Hà Đông, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

| TỔ XÉT NGHIỆM | PHÒNG THÍ NGHIỆM | KT. TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC |
|---|---|---|
| *Trần T. Tô Phượng* | *Nguyễn T. Thanh Nga* | PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC<br>*Tô Anh Quân* |

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG**
**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
**Tel:** 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

VILAS 1291

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 261110/935

Tên/địa chỉ khách hàng: **Mẫu nước ngoại mạng CS2 Ba La - Hộ dân Trịnh Thị Thái, Số 106 Tổ 6, Văn La 2, P. Kiến Hưng, Hà Nội**

Mô tả mẫu: 01 chai 1500ml/mẫu

Ngày lấy mẫu: 10/11/2026

Ngày phân tích: 10/11 - 17/11/2026

Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty

Kết quả phân tích như sau:

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform | SMEWW 9221:2023 | CFU/100ml | KPH | < 1 |
| 2 | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt | SMEWW 9221:2023 | CFU/100ml | KPH | < 1 |
| 3 | Màu sắc | SMEWW 2120 B:2023 | TCU | 7 | 15 |
| 4 | Mùi | Cảm quan | - | Không mùi lạ | Không mùi lạ |
| 5 | pH (*) | TCVN 6492:2011 | - | 7,38 | 6,0 - 8,5 |
| 6 | Độ đục (*) | TCVN 12402-1:2020 | NTU | 0,45 | 2 |
| 7 | Arsenic (As) | TCVN 6626:2000 | (mg/l) | 0,001 | 0,01 |
| 8 | Clo dư tự do (*) | SMEWW 4500 Cl.F:2023 | (mg/l) | 0,37 | 0,2 - 1,0 |
| 9 | Chỉ số Pecmanganat (*) | TCVN 6186:1996 | (mg/l) | < 1,00 | 2 |
| 10 | Amoni ($NH_3$ và $NH_4^+$ tính theo N) (*) | HADO 03.2024 | (mg/l) | < 0,25 | 1 |

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG**
**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
**Tel:** 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Chloride ($Cl^-$) (*) | TCVN 6194:1996 | (mg/l) | 14,6 | 250 |
| 12 | Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*) | TCVN 6224:1996 | (mg/l) | 157 | 300 |
| 13 | Magan (Mn) (*) | HADO 02.2024 | (mg/l) | 0,088 | 0,1 |
| 14 | Nitrat ($NO_3^-$ tính theo N) | HADO 05.2024 | (mg/l) | 1,1 | 11 |
| 15 | Nitrit ($NO_2^-$ tính theo N) (*) | HADO 04.2024 | (mg/l) | 0,040 | 0,9 |
| 16 | Sắt (Ferrum) (Fe) (*) | HADO 01.2024 | (mg/l) | < 0,15 | 0,3 |
| 17 | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | SMEWW2540-C:2023 | (mg/l) | 248 | 1000 |
| 18 | Monochloramine | SMEWW4500-Cl F:2023 | (mg/l) | 0,80 | 3 |

*Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Khuyến cáo gia đình thường xuyên vệ sinh các thiết bị, thau rửa bể chứa nước theo định kỳ để đảm bảo chất lượng nước khách hàng sử dụng.*
*(-): Không đơn vị/ Không phân tích.*
*(KPH): Không phát hiện.*
*Số: 261110/935*

*Hà Đông, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

**TỔ XÉT NGHIỆM**

*Trần T. Tô Phượng*

**PHÒNG THÍ NGHIỆM**

*Nguyễn T. Thanh Nga*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Tô Anh Quân

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.